



**MDRT**

The Premier Association of  
Financial Professionals®

# **Thông tin về tư cách thành viên Million Dollar Round Table năm 2025**

*Dựa trên doanh thu năm 2024*

## **Million Dollar Round Table**

325 West Touhy Avenue, Park Ridge, IL 60068 USA | Phone: +1 847.692.6378 | Fax: +1 847.518.8921 |  
Email: [memberrelations@mdrt.org](mailto:memberrelations@mdrt.org)

Toàn cầu - 01/11/2023

## XIN LƯU Ý

Vui lòng hủy mọi bản sao của tài liệu này nếu ở chân mỗi trang không ghi “Toàn cầu – 01/11/2023.”

- Yêu cầu về doanh thu cho thị trường cụ thể được liệt kê ở trang 3 và trang 11-16.
- Định nghĩa về Bảo hiểm Y tế và cách Đếm Hợp đồng Bảo hiểm được cập nhật ở trang 8.
- Các yêu cầu sản xuất đối với Thổ Nhĩ Kỳ đã được cập nhật ở trang 12 và 15.

## Mục lục

	Trang
I. Yêu cầu về Doanh thu -----	3
II. Tính đủ điều kiện -----	4
III. Báo cáo -----	5
IV. Các yêu cầu Bổ sung-----	6
V. Thông tin làm rõ -----	7
VI. Minh họa-----	9
VII. Các hội nghị -----	10
VIII. Yêu cầu về Doanh thu Tiền hoa hồng/Phí bảo hiểm theo Thị trường -----	11
IX. Yêu cầu về Doanh thu Tiền thu nhập theo thị trường -----	14

Đăng ký thành viên trực tuyến năm 2025 tại  
[mdrt.org/membership-application](https://mdrt.org/membership-application)

## THÔNG TIN THÀNH VIÊN CỦA Million Dollar Round Table năm 2025

### I. YÊU CẦU VỀ DOANH THU

#### 1. Phương thức doanh thu

Tư cách thành viên 2025 sẽ được xác định dựa trên các phương thức doanh thu sau: (Xem trang 4 để biết các sản phẩm):

- **Phương thức định mức Hoa hồng**  
Yêu cầu tiền hoa hồng đủ điều kiện đã được thanh toán tối thiểu là 81.000 USD. Trong tổng số tiền này, tối thiểu 40.500 USD trong số tiền hoa hồng được chi trả (50% của số tiền yêu cầu) phải đến từ các sản phẩm được liệt kê trong danh mục Bảo hiểm rủi ro.
- **Phương thức định mức Phí bảo hiểm**  
Yêu cầu tiền phí bảo hiểm đủ điều kiện đã được thanh toán tối thiểu là 162.000 USD. Trong tổng số tiền này, tối thiểu 81.000 USD trong số tiền phí bảo hiểm được chi trả (50% của số tiền yêu cầu) phải đến từ các sản phẩm được liệt kê trong danh mục Bảo hiểm rủi ro.
- **Phương thức định mức Thu nhập đủ điều kiện**  
Yêu cầu tổng thu nhập hàng năm từ bán bảo hiểm và sản phẩm tài chính tối thiểu là 140.000 USD. Tối thiểu 40.500 USD phải là thu nhập từ hoạt động kinh doanh mới được tạo ra trong năm doanh thu. Hơn nữa, tối thiểu 40.500 USD phải bắt nguồn từ thu nhập liên quan đến các sản phẩm trong danh mục Bảo hiểm rủi ro. Có thể cùng một hoạt động kinh doanh, ví dụ như bán các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ mới, có thể đáp ứng cả hai yêu cầu.

#### 2. Court of the Table (COT)

- **Phương thức định mức Tiền hoa hồng và Phí bảo hiểm**  
Tối thiểu 243.000 USD tiền hoa hồng đủ điều kiện được thanh toán hoặc 486.000 USD tiền phí bảo hiểm đủ điều kiện được thanh toán. Ít nhất 40.500 USD tiền hoa hồng hoặc 81.000 USD tiền phí bảo hiểm (50% của yêu cầu để được tham gia MDRT) phải đến từ các sản phẩm được liệt kê trong danh mục Bảo hiểm rủi ro trước khi ứng viên có thể sử dụng bất kỳ khoản tín dụng nào từ các hợp đồng bảo hiểm được liệt kê trong danh mục Sản phẩm khác.
- **Phương thức định mức Thu nhập**  
Yêu cầu tổng thu nhập hàng năm đủ điều kiện tối thiểu là 420.000 USD. Ứng viên phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu là 40.500 USD đến từ hoạt động kinh doanh mới và 40.500 USD từ hoạt động kinh doanh Bảo hiểm rủi ro.

#### 3. Top of the Table (TOT)

- **Phương thức định mức Tiền hoa hồng và Phí bảo hiểm**  
Tối thiểu 486.000 USD tiền hoa hồng đủ điều kiện được thanh toán hoặc 972.000 USD tiền phí bảo hiểm đủ điều kiện được thanh toán. Ít nhất 40.500 USD tiền hoa hồng hoặc 81.000 USD tiền phí bảo hiểm (50% của yêu cầu để được tham gia MDRT) phải đến từ các sản phẩm được liệt kê trong danh mục Bảo hiểm rủi ro trước khi ứng viên có thể sử dụng bất kỳ khoản tín dụng nào từ các hợp đồng bảo hiểm được liệt kê trong danh mục Sản phẩm khác.
- **Phương thức định mức Thu nhập**  
Yêu cầu tổng thu nhập hàng năm đủ điều kiện tối thiểu là 840.000 USD. Ứng viên phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu là 40.500 USD đến từ hoạt động kinh doanh mới và 40.500 USD từ hoạt động kinh doanh Bảo hiểm rủi ro.
- **Miễn trừ dành cho Top of the Table**  
Các thành viên Top of the Table có tối thiểu 10 năm là thành viên Top of the Table không đáp ứng được mức doanh thu tối thiểu được yêu cầu có thể nộp đơn theo điều khoản miễn trừ dành cho thành viên Top of the Table nhưng phải nộp các khoản lệ phí Top of the Table.

**Vui lòng lưu ý rằng: Ứng viên không thể kết hợp tín dụng doanh thu từ các phương thức nêu trên để đạt được yêu cầu tối thiểu. Ứng viên sẽ chỉ được phê duyệt theo một phương thức.**

**Các yêu cầu doanh thu trong năm 2025 cho ứng viên bên ngoài Hoa Kỳ được thể hiện bằng nội tệ trong các bảng ở cuối tài liệu này. Tất cả các khoản tín dụng hoa hồng, phí bảo hiểm hoặc thu nhập được báo cáo phải được chuyển đổi sang đô la Mỹ (USD) bằng cách sử dụng hệ số chuyển đổi MDRT được liệt kê ở cuối tài liệu này.**

#### 4. Sản phẩm và Tín dụng Đủ điều kiện

##### CÁC SẢN PHẨM BẢO HIỂM RỦI RO

###### **Sản phẩm từ công ty bảo hiểm nhân thọ**

Chết và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn (cá nhân)

Bệnh hiểm nghèo (cá nhân)

Hợp đồng thu nhập cho người khuyết tật (cá nhân)

Nhân thọ (cá nhân)

Tối đa phí bảo hiểm hàng năm/ phí bảo hiểm mục tiêu

Tiền gửi vượt mức phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu/phụ trội

Phí bảo hiểm đơn (trộn đời và đầu tư)

Bảo hiểm trợ cấp ngắn hạn (tối đa 15 năm)

Chăm sóc dài hạn (cá nhân)

Thương tật toàn bộ vĩnh viễn và tử vong do tai nạn (nhóm)

Bệnh hiểm nghèo (nhóm)

Hợp đồng thu nhập cho người khuyết tật (nhóm)

Nhân thọ (nhóm)

Chăm sóc dài hạn (nhóm)

Niên kim (cá nhân và nhóm)

Phí bảo hiểm đơn và/hoặc bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn tối đa 15 năm)

###### **Tín dụng Hoa hồng/Phí**

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng được thanh toán

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% toàn bộ tiền hoa hồng

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

###### **Tín dụng Phí bảo hiểm**

100% phí bảo hiểm năm thứ nhất

100% phí bảo hiểm năm thứ nhất

100% phí bảo hiểm năm thứ nhất

100% phí bảo hiểm năm thứ nhất

6% phí bảo hiểm vượt mức

6% phí bảo hiểm năm thứ nhất

6% phí bảo hiểm năm thứ nhất

100% phí bảo hiểm năm thứ nhất

10% phí bảo hiểm năm thứ nhất

10% phí bảo hiểm năm thứ nhất

10% phí bảo hiểm năm thứ nhất

10% phí bảo hiểm năm thứ nhất

10% phí bảo hiểm năm thứ nhất

6% tiền đầu tư mới

6% phí bảo hiểm năm thứ nhất

##### CÁC SẢN PHẨM KHÁC

###### **Sản phẩm**

Bảo hiểm y tế\* (cá nhân)

Bảo hiểm y tế\* (nhóm)

Quy tương hỗ

Chứng khoán

Tài khoản trộn gói/tài khoản quản lý tài sản

Phí hoạch định tài chính/ phí tư vấn

###### **Tín dụng Hoa hồng/Phí**

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% tiền hoa hồng năm thứ nhất

100% toàn bộ tiền hoa hồng/phí

100% tiền hoa hồng/phí từ tiền đầu tư mới

100% toàn bộ tiền hoa hồng/phí

100% phí rỗng

###### **Tín dụng Phí bảo hiểm**

100% phí bảo hiểm năm thứ nhất

10% phí bảo hiểm năm thứ nhất

6% tiền đầu tư mới

6% tiền đầu tư mới

6% tiền đầu tư mới

100% tổng phí

\* Xem trang 8 để biết thêm chi tiết.

## II. TÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN

### 1. Tổng quan về Đủ điều kiện

- Ứng viên nộp đơn lần đầu tiên vào MDRT phải sử dụng phương thức định mức hoa hồng hoặc phí bảo hiểm để chứng minh đủ điều kiện trở thành thành viên. (Xem bảng trang 5.)
- Bất kỳ cá nhân nào từng là thành viên MDRT trước đây đủ điều kiện nộp đơn bằng cách sử dụng phương thức định mức thu nhập đủ điều kiện.

### 2. Cấp tư cách thành viên MDRT

Tư cách thành viên MDRT chỉ được cấp với **thời hạn một năm**.

Tất cả thành viên **phải nộp đơn hàng năm** để tiếp tục là thành viên của MDRT.

#### • Thành viên Đủ tiêu chuẩn

Cá nhân là người nộp đơn lần đầu tiên sẽ trở thành Thành viên đủ điều kiện (Q) khi đơn đăng ký bản cứng của người đó được chấp thuận. Cho đến khi đạt được cột mốc thành viên năm thứ 10, thành viên đó sẽ là Thành viên đủ điều kiện.

#### • Thành viên Đủ điều kiện Trộn đời

Một cá nhân trở thành Thành viên đủ điều kiện trộn đời (QL) khi được chấp thuận tư cách thành viên năm thứ mười. Trạng thái Đủ điều kiện Trộn đời được duy trì trong những năm về sau bằng cách nộp đơn đăng ký hàng năm, bao gồm (các) thu xác nhận chứng minh doanh thu đủ điều kiện hoặc chứng nhận đạt mức doanh thu tối thiểu hiện tại và bằng cách trả các khoản phí thành viên bắt buộc.

#### • Thành viên Trộn đời

Sau khi đạt được tư cách Thành viên Đủ điều kiện Trộn đời, ứng viên xin trở thành Thành viên trộn đời sẽ tuyên bố rằng họ đã không đáp ứng yêu cầu về doanh thu nhưng vẫn muốn tiếp tục là thành viên MDRT. Thành viên trộn đời **phải nộp đơn đăng ký và trả khoản phí bắt buộc hàng năm**.

Loại Thành viên	HOA HỒNG						Loại Thành viên	PHÍ BẢO HIỂM					
	MDRT		COT		TOT			MDRT		COT		TOT	
	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công		Bảo hiểm rủi ro	Tổng công	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công
Doanh thu	40.500\$	81.000\$	40.500\$	243.000\$	40.500\$	486.000\$	Doanh thu	81.000\$	162.000\$	81.000\$	486.000\$	81.000\$	972.000\$
<b>Thành viên lần đầu</b>							<b>Thành viên lần đầu</b>						
Thư xác nhận	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc		Thư xác nhận	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc	
Được ký bởi	Công ty		Công ty		Công ty		Được ký bởi	Công ty		Công ty		Công ty	
<b>Thành viên tham gia 2 - 10 năm</b>							<b>Thành viên tham gia 2 - 10 năm</b>						
Thư xác nhận	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc		Thư xác nhận	Bắt buộc		Bắt buộc		Bắt buộc	
Được ký bởi	Công ty		Công ty		Công ty		Được ký bởi	Công ty		Công ty		Công ty	
<b>Thành viên 11 năm trở lên</b>							<b>Thành viên 11 năm trở lên</b>						
Thư xác nhận	Không bắt buộc		Bắt buộc nếu ít hơn 10 COT		Bắt buộc nếu ít hơn 10 TOT		Thư xác nhận	Không bắt buộc		Bắt buộc nếu ít hơn 10 COT		Bắt buộc nếu ít hơn 10 TOT	
Được ký bởi	Không bắt buộc		Công ty		Công ty		Được ký bởi	Không bắt buộc		Công ty		Công ty	

Loại Thành viên	THU NHẬP								
	MDRT			COT			TOT		
	Kinh doanh Mới	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công	Kinh doanh Mới	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công	Kinh doanh Mới	Bảo hiểm rủi ro	Tổng công
Doanh thu	40.500\$	40.500\$	140.000\$	40.500\$	40.500\$	420.000\$	40.500\$	40.500\$	840.000\$
<b>Thành viên lần đầu</b>	Không đủ điều kiện			Không đủ điều kiện			Không đủ điều kiện		
Thư xác nhận									
Được ký bởi									
<b>Thành viên tham gia 2 - 10 năm</b>									
Thư xác nhận	Bắt buộc			Bắt buộc			Bắt buộc		
Được ký bởi	Tự ký			Tự ký			Tự ký		
<b>Thành viên 11 năm trở lên</b>									
Thư xác nhận	Không bắt buộc			Bắt buộc nếu ít hơn 10 COT			Bắt buộc nếu ít hơn 10 TOT		
Được ký bởi	Không bắt buộc			Tự ký			Tự ký		

### III. BÁO CÁO

#### 1. Xác minh số doanh thu

- Xác minh Tiền hoa hồng và Phí bảo hiểm**

Ứng viên nộp đơn lần đầu tiên **CHỈ** được sử dụng phương thức định mức hoa hồng hoặc phí bảo hiểm và cung cấp (các) thư xác nhận được xác minh bởi bên thứ ba. Những người nộp đơn đăng ký làm Thành viên đủ điều kiện (năm hai đến năm 10) có thể nộp các thư xác nhận thông thường được xác minh bởi bên thứ ba đối với tiền hoa hồng hoặc phí bảo hiểm hoặc nộp một thư xác nhận tự ký và đính kèm các tài liệu hỗ trợ cho phương thức định mức thu nhập đủ điều kiện như đã nêu ở trên. Thư xác nhận có thể được cấp bởi một đại diện của công ty/môi giới/đại lý môi giới, một Kế toán viên công chúng được cấp phép (hoặc tương đương), hoặc đại diện của cơ quan/công ty hoặc văn phòng cá nhân của người nộp đơn.

- Xác minh thu nhập**

Việc xác minh doanh thu đủ điều kiện theo phương thức định mức thu nhập đủ điều kiện sẽ được thực hiện thông qua thư xác nhận có chữ ký của ứng viên. Tất cả các đơn nộp theo phương thức định mức thu nhập đều phải tuân theo hoạt động kiểm toán xác minh doanh thu ngẫu nhiên sau đó. Nếu được chọn, cá nhân sẽ phải cung cấp tài liệu hỗ trợ, chẳng hạn như các bản sao kê tiền hoa hồng để xác minh số tiền. Tài liệu hỗ trợ khác có thể chấp nhận được là bản kê khai thu nhập được ký bởi một đại diện của công ty/đại lý môi giới, một Kế toán viên công chứng được cấp phép (hoặc tương đương), hoặc đại diện của cơ quan/công ty hoặc văn phòng cá nhân của người nộp đơn. Hồ sơ thuế cũng có thể sử dụng được.

- **Báo cáo giảm thuế dành cho Thành viên Đủ điều kiện Trọn đời và Thành viên Trọn đời**

Một khi đã đủ điều kiện trở thành Thành viên Trọn đời, những thành viên đã đạt được tư cách Thành viên Đủ điều kiện Trọn đời hoặc Thành viên Trọn đời sẽ đủ điều kiện để nộp đơn hàng năm, bao gồm (các) thư xác nhận chứng minh doanh thu đủ điều kiện hoặc bằng cách xác nhận là đã đáp ứng được mức doanh thu tối thiểu hiện tại và trả phí thành viên bắt buộc. Không bắt buộc phải có bằng chứng về số doanh thu (chẳng hạn như thư xác nhận hoặc tài liệu về hoa hồng/thu nhập) kể từ năm thứ mười một trở đi. Những ứng viên muốn trở thành Thành viên Trọn đời sẽ tuyên bố rằng họ đã không đáp ứng được yêu cầu về doanh thu nhưng vẫn muốn tiếp tục là thành viên MDRT.

- 2. **Court of the Table**

- Ứng viên phải tiếp tục nộp bằng chứng về doanh thu thông qua (các) thư xác nhận cho đến khi đạt được 10 năm là thành viên ở cấp cao hơn. Họ có thể tuyên bố đủ điều kiện mà không cần có thư xác nhận hoặc tài liệu thu nhập khi nộp đơn cho năm thứ mười một để trở thành thành viên Court of the Table

- 3. **Top of the Table**

- Ứng viên phải tiếp tục nộp bằng chứng về doanh thu thông qua (các) thư xác nhận cho đến khi đạt được 10 năm là thành viên ở cấp cao hơn. Họ có thể tuyên bố đủ điều kiện mà không cần có thư xác nhận hoặc tài liệu thu nhập khi nộp đơn cho năm thứ mười một để trở thành thành viên Top of the Table

- 4. **Mẫu đơn đăng ký thành viên**

- Đơn đăng ký thành viên MDRT 2025 sẽ sẵn sàng vào ngày 1 tháng 11 năm 2024. Ứng viên có thể hoàn tất đăng ký trực tuyến hoặc tải mẫu đơn trên giấy tại [mdrt.org](http://mdrt.org). Cũng có thể yêu cầu mẫu đơn đăng ký trên giấy qua điện thoại, fax hoặc email tại [memberrelations@mdrt.org](mailto:memberrelations@mdrt.org).

- 5. **Thư xác nhận**

- Thư xác nhận **được ký bởi một cán bộ** của công ty mà người nộp đơn xin làm xác minh đủ điều kiện tham gia MDRT là yêu cầu bắt buộc khi nộp đơn theo phương thức định mức hoa hồng hoặc phí bảo hiểm. Nếu không, đơn đăng ký sẽ được coi là không đầy đủ và bị từ chối tư cách thành viên. **Những công ty này có thể bao gồm** các công ty bảo hiểm nhân thọ, đại lý, công ty môi giới, nhà môi giới- đại lý, ngân hàng hoặc các công ty quỹ tương hỗ. Thư xác nhận được cấp bởi một đại diện của công ty/người môi giới/đại lý môi giới, Kế toán viên công chúng được cấp phép (hoặc tương đương), hoặc đại diện của cơ quan, công ty hoặc văn phòng cá nhân của người nộp đơn cũng được chấp nhận.
- Một Kế toán viên công chúng được cấp phép (CPA) hoặc cấp tương đương có thể ký thư xác nhận về phí hoạch định tài chính/phí tư vấn được trả trực tiếp cho người khai thác khi nộp đơn theo phương thức định mức hoa hồng hoặc phí bảo hiểm.
- Công ty môi giới được định nghĩa là nhà bán sỉ bên thứ ba các sản phẩm bảo hiểm và đầu tư mà được cung cấp cho các đại lý thay mặt cho công ty bảo hiểm và đầu tư. Nếu người nộp đơn là cán bộ của một công ty môi giới, thì nhà cung cấp sản phẩm trả hoa hồng sẽ phải ký vào thư xác nhận trừ khi nộp đơn theo phương thức định mức thu nhập đủ điều kiện.

- Thư xác nhận thu nhập được tự khai báo, có chữ ký của người nộp đơn. Nếu được lựa chọn để thực hiện kiểm toán xác minh doanh thu, cá nhân sẽ phải cung cấp tài liệu hỗ trợ để xác minh doanh thu đã đạt, chẳng hạn như:
  - Bản sao kê tiền hoa hồng
  - Bản kê khai thu nhập có chữ ký của đại diện của công ty/người môi giới/đại lý môi giới, Kế toán viên công chúng được cấp phép (hoặc tương đương), hoặc đại diện của cơ quan, công ty hoặc văn phòng cá nhân của người nộp đơn..
  - Hồ sơ thuế

- 6. **Thành viên danh dự**

Những cá nhân với ít nhất 15 năm là Thành viên đủ điều kiện (đủ điều kiện theo doanh thu) sẽ được trao danh hiệu "Thành viên danh dự".

#### IV. CÁC YÊU CẦU BỔ SUNG

- 1. **Lệ phí thành viên hàng năm: 600 USD**

- Lệ phí thành viên bắt buộc, đơn đăng ký đã hoàn tất và các mẫu quy định khác phải được đóng dấu bưu điện chậm nhất vào ngày 1 tháng 3 năm 2025. Đơn đăng ký được đóng dấu bưu điện sau ngày 1 tháng 3 sẽ chỉ được xem xét khi gửi kèm khoản phí bổ sung 200 USD.
- Thành viên có 50 năm thâm niên thành viên trở lên được miễn lệ phí thành viên MDRT. Tuy nhiên, họ phải thanh toán lệ phí thành viên Court of the Table hoặc Top of the Table.

- 2. **Lệ phí Court of the Table: 50 USD**

- Ngoài việc phải nộp lệ phí MDRT thông thường, ứng viên Court of the Table phải nộp các khoản lệ phí Court of the Table bắt buộc.

- 3. **Lệ phí Top of the Table: 550 USD**

- Ngoài việc phải nộp lệ phí MDRT thông thường, ứng viên Top of the Table phải nộp các khoản lệ phí Top of the Table bắt buộc. Lệ phí thành viên Top of the Table bao gồm lệ phí thành viên Court of the Table.

- 4. **Lệ phí Trọn đời, Lệ phí được Giảm: 200 USD**

- Thành viên trọn đời đáp ứng **tất cả bốn tiêu chí** dưới đây đủ điều kiện được giảm lệ phí thành viên.
  - **Thành viên Trọn đời hoặc Thành viên Đủ điều kiện Trọn đời, và**
  - Nộp đơn làm Thành viên trọn đời, **và**
  - đủ 65 tuổi vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và
  - đã có 25 năm là thành viên **HOẶC** 20 năm là thành viên đáp ứng yêu cầu về doanh thu

*Hiện đã có các tùy chọn thanh toán trực tuyến. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo Đơn đăng ký thành viên năm 2025.*

- 5. **Miễn trừ đối với người tàn tật**

- Thành viên trọn đời được tuyên bố bị tàn tật toàn bộ trong sáu tháng liên tiếp trong năm 2024 có thể nộp đơn xin miễn lệ phí thành viên năm 2025. Mẫu đơn yêu cầu dành cho người bị tàn tật và chứng nhận của bác sĩ phải được nộp không muộn hơn ngày 1 tháng 3 năm 2025 kèm theo đơn đăng ký thành viên. Mỗi đơn sẽ được đánh giá dựa trên bản thân thành viên.

## 6. Các phương án dành cho Cựu thành viên Trộn đời

- Có hai lựa chọn dành cho Cựu Thành viên Trộn đời và Thành viên Đủ điều kiện Trộn đời muốn quay lại tham gia:
- **Lựa chọn Một:** Họ có thể chọn không nộp bổ sung lệ phí trong những năm không tham gia và nộp mức doanh thu tối thiểu hiện tại và lệ phí thành viên hiện tại kèm theo đơn đăng ký. Trạng thái thành viên của họ sẽ trở lại Đủ điều kiện và họ phải hoàn thành lại các yêu cầu để đạt được trạng thái Thành viên trộn đời hoặc Thành viên đủ điều kiện trộn đời, bao gồm tích lũy thêm 9 năm là Thành viên Đủ điều kiện.
- **Phương án Hai:** Họ có thể duy trì tư cách Thành viên Trộn đời hoặc Thành viên Đủ điều kiện Trộn đời bằng cách đóng bổ sung lệ phí thành viên cho số năm họ không là thành viên, không quá 5 năm, và bằng cách đáp ứng các yêu cầu hiện tại đối với Thành viên trộn đời. Số năm tối đa được yêu cầu đóng lại lệ phí thành viên sẽ được giảm xuống còn ba năm nếu thành viên nộp đơn đạt được doanh thu đủ điều kiện cho năm hiện tại. Số tiền đóng lại lệ phí thành viên sẽ được tính dựa trên khoản phí hiện hành tại thời điểm khôi phục tư cách thành viên. *Vui lòng lưu ý rằng: Việc thanh toán lệ phí thành viên khi quay lại không nhận được tín dụng cho (những) năm không là thành viên*

## V. LÀM RÕ

### 1. Hoa hồng đủ điều kiện

Tín dụng doanh thu (đối với hoa hồng) sẽ dựa trên khoản hoa hồng đủ điều kiện nhận được trong năm 2024. Tín dụng có thể bao gồm tiền hoa hồng kiếm được hoặc trả trước (gọi tắt là "hàng năm") hoặc cả hai. Tiền hoa hồng trả trước (hàng năm) hoặc kiếm được phải được trả cho ứng viên trong năm 2024 để đủ điều kiện tính tín dụng MDRT. Vui lòng lưu ý rằng:

- Bạn có thể báo cáo các khoản hoa hồng được thanh toán trên cơ sở phân mức bằng cách áp dụng giá trị hiện tại của khoản hoa hồng trong tối đa năm năm đầu tiên khấu trừ 10% mỗi năm, và không vượt quá 55% phí bảo hiểm năm đầu tiên.
- Hoa hồng hàng năm có thể được báo cáo để tính tín dụng nếu được thanh toán, nhưng việc bồi hoàn tiền hoa hồng hàng năm ở năm doanh thu tiếp theo sẽ làm giảm tín dụng doanh thu của năm đó.
- Nếu hoa hồng đã trả được tính như tiền thu được, hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực vào năm 2023 có thể biến thành tín dụng doanh thu cho năm 2024. Hợp đồng bảo hiểm phải có hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 nhưng không bắt buộc phải có hiệu lực tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.
- Khoản tín dụng hoa hồng hưu trí được dựa trên sản phẩm dùng để tạo quỹ hưu (bảo hiểm nhân thọ, niên kim, quỹ tương hỗ, v.v.) vốn xác định xem khoản hoa hồng đó nhận được tín dụng Bảo hiểm Rủi ro hay là tín dụng Sản phẩm Khác.
- Các khoản hoa hồng là một phần của chương trình tiền thù lao trả chậm có thể được kê khai trước để tính tín dụng MDRT, với điều kiện là các khoản này sẽ không được kê khai lại trong những năm sau đó.
- Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ vượt mức phí bảo hiểm hàng năm hoặc phí bảo hiểm mục tiêu sẽ đủ điều kiện tính tín dụng. Tín dụng hoa hồng năm đầu tiên có thể được tính cho danh mục Bảo hiểm Rủi ro đối với khoản hoa hồng được trả cho số tiền lên đến mức phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu. Nếu vượt quá mức phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu, (đôi khi được gọi là "phụ trội"), tín dụng hoa hồng có thể được tính cho danh mục Bảo hiểm Rủi ro đối với khoản hoa hồng được trả cho số tiền vượt quá phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu.
- Khoản hoa hồng phụ trội, trợ cấp đào tạo, gói chuyển đổi, tiền thưởng cho đào tạo hoặc ký hợp đồng lao động và các khoản phụ cấp bán hàng hoặc chi phí khác không đủ tiêu chuẩn theo phương thức định mức hoa hồng/phí bảo hiểm.

- Phí trả cho việc sắp xếp bán một sản phẩm đủ điều kiện tính là tín dụng hoa hồng, cũng như khoản phí quản lý tài sản đối với các quỹ tương hỗ và tài khoản quản lý/tài khoản quản lý tài sản vậy. Loại sản phẩm được bán ra xác định loại tín dụng mà sản phẩm nhận được (Bảo hiểm Rủi ro hoặc Khác).
- Phí hoạch định Tài chính/Phí Tư vấn đủ điều kiện tính tín dụng Sản phẩm Khác đối với khoản phí ròng được trả cho đại lý/cố vấn. Các khoản phí phải được chứng minh bằng thư xác nhận có chữ ký của một cán bộ công ty, một cán bộ đại lý môi giới, hoặc một Kế toán viên Công chúng được Cấp phép (hoặc tương đương) cho thành viên đủ điều kiện.
- Các khoản hoa hồng bảo hiểm y tế theo nhóm chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Việc bổ sung vào hợp đồng bảo hiểm nhóm trong những năm tiếp theo sẽ không đủ điều kiện tính tín dụng.
- Các khoản phí bảo hiểm đơn và/hoặc hoa hồng bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Điều khoản bổ sung bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn (tối đa 15 năm) đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đủ điều kiện tính 100% tiền hoa hồng năm đầu tiên trong danh mục Bảo hiểm Rủi ro.
- Các khoản hoa hồng bảo hiểm hỗn hợp dài hạn chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Điều khoản bổ sung bảo hiểm hỗn hợp dài hạn (từ 16 năm trở lên) đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đủ điều kiện tính 100% tiền hoa hồng năm đầu tiên trong danh mục Bảo hiểm Rủi ro.

### 2. Phí bảo hiểm đủ điều kiện

Tín dụng doanh thu (đối với phí bảo hiểm) sẽ dựa trên phí bảo hiểm đủ điều kiện được chi trả hoặc số tiền đầu tư mới trong năm 2024. Vui lòng lưu ý rằng:

- Nếu các khoản hoa hồng đã thanh toán được tính thành tiền kiếm được, tín dụng phí bảo hiểm sẽ chỉ được tính cho số tiền phí bảo hiểm thực nhận trong năm doanh thu.
- Nếu các khoản hoa hồng được tính hàng năm, tín dụng bảo hiểm cũng phải được tính theo năm. Bất kỳ khoản bồi hoàn nào của tiền hoa hồng tính hàng năm sẽ dẫn đến tín dụng phí bảo hiểm cũng phải giảm đi trong năm đó.
- Một hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực vào năm 2023 có thể dẫn tới tín dụng doanh thu cho số tiền phí bảo hiểm được thanh toán hoặc số tiền đầu tư mới trong năm 2024.
- Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ vượt mức phí bảo hiểm hàng năm hoặc phí bảo hiểm mục tiêu sẽ đủ điều kiện tính tín dụng. Tín dụng phí bảo hiểm năm đầu tiên có thể được tính vào danh mục Bảo hiểm Rủi ro cho số tiền tối đa bằng phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu. Nếu mức phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu bị vượt, (đôi khi được gọi là "phụ trội"), tín dụng phí bảo hiểm có thể được tính cho danh mục Bảo hiểm Rủi ro cho 6% số tiền vượt quá phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu.
- Phí hoạch định Tài chính/Phí Tư vấn đủ điều kiện tính tín dụng Sản phẩm Khác đối với tổng số phí được trả cho công ty, đại lý môi giới hoặc đại lý/cố vấn cá nhân. Các khoản phí phải được chứng minh bằng thư xác nhận có chữ ký của một cán bộ công ty, một cán bộ đại lý môi giới, hoặc một Kế toán viên Công chúng được Cấp phép (hoặc tương đương) cho thành viên đủ điều kiện.
- Phí bảo hiểm y tế theo nhóm chỉ đủ điều kiện tính tín dụng trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Việc bổ sung vào hợp đồng bảo hiểm nhóm trong những năm tiếp theo sẽ không đủ điều kiện tính tín dụng.
- Phí bảo hiểm đơn và/hoặc phí bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Điều khoản bổ sung bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn (tối đa 15 năm) đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đủ điều kiện tính 6% tín dụng phí bảo hiểm năm đầu tiên.

- Phí bảo hiểm hỗn hợp dài hạn chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Điều khoản bổ sung bảo hiểm hỗn hợp dài hạn (từ 16 năm trở lên) đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đủ điều kiện được tính 100% tín dụng phí bảo hiểm năm đầu tiên trong danh mục Bảo hiểm Rủi ro.
- Khoản tín dụng phí bảo hiểm hưu trí được dựa trên sản phẩm dùng để tạo quỹ hưu (bảo hiểm nhân thọ, niên kim, quỹ tương hỗ, v.v.) vốn xác định xem tín dụng này là tín dụng Bảo hiểm Rủi ro hay là tín dụng Sản phẩm Khác.

### 3. Thu nhập Đủ điều kiện

Tín dụng doanh thu được dựa trên tổng thu nhập hàng năm được trả trong năm 2024. Vui lòng lưu ý rằng:

- Xem bảng tại trang 4 để biết các sản phẩm đủ điều kiện.
- Theo mô hình này, thu nhập được định nghĩa là hoa hồng đầu tư và gia hạn năm đầu tiên, cũng như các khoản phí cho việc bán sản phẩm, phí quản lý tài sản và phí tư vấn.
- Các khoản tiền thù lao dựa trên doanh thu khác, chẳng hạn như tiền lương và tiền thưởng dựa trên doanh thu, cũng đủ điều kiện tính tín dụng.
- Thu nhập được đóng góp trong kế hoạch tiền lương giữ lại đủ điều kiện tính tín dụng. Tín dụng cần được tính trong năm doanh thu khi nhận được thu nhập giữ lại.
- Khoản hoa hồng phụ trội chỉ đủ điều kiện tính doanh thu cá nhân.

Thu nhập được coi là **KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN** tính tín dụng MDRT bao gồm:

- Tiền thưởng/trợ cấp đào tạo
- Phụ cấp bán hàng/chi phí
- Tiền thưởng khi ký hợp đồng lao động hoặc gói chuyển đổi
- Phụ trội bắt nguồn từ doanh thu của người khác.
- Thù lao không bằng tiền mặt, ví dụ như các chuyến đi khuyến khích
- Thu nhập từ bảo hiểm tài sản và tai nạn và bảo hiểm phi nhân thọ (cháy nổ, nhà, xe, v.v.)
- Thu nhập từ việc bán các khoản thế chấp
- Quyết toán hợp đồng bảo hiểm nhân thọ
- Tài khoản thị trường tiền tệ

### 4. Tín dụng cho Bảo hiểm bảo đảm cho Ứng viên, Vợ (chồng) hoặc Người phụ thuộc

- Bất kỳ hoạt động kinh doanh nào bảo đảm cho ứng viên, vợ (chồng) hoặc người phụ thuộc của ứng viên không được vượt quá **mức tối đa 5%** của yêu cầu doanh thu MDRT của năm hiện tại (4.050 USD đối với tiền hoa hồng đủ điều kiện hoặc 8.100 USD đối với phí bảo hiểm đủ điều kiện hoặc 7.000 USD đối với thu nhập đủ điều kiện) nếu bất kỳ khoản phí bảo hiểm nào được trả, trực tiếp hay gián tiếp bởi ứng viên hoặc vợ (chồng) của ứng viên.

Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với:

**Million Dollar Round Table  
Member Relations Department**

325 West Touhy Avenue  
Park Ridge, IL 60068 USA  
Điện thoại: +1 847.692.6378

Fax: +1 847.518.8921

Trang web: [mdrt.org](http://mdrt.org)

Email: [memberrelations@mdrt.org](mailto:memberrelations@mdrt.org)

### 5. Thay thế

- Khoản tín dụng cho các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân chỉ có thể được kê khai cho số tiền hoa hồng hoặc phí bảo hiểm năm đầu tiên của hợp đồng mới có số tiền hoa hồng hoặc phí bảo hiểm năm đầu tiên vượt quá con số của hợp đồng bảo hiểm bị thay thế. Nếu không biết số tiền là bao nhiêu, thì số tiền hoa hồng được thay thế sẽ được tính bằng cách nhân tiền hoa hồng hiện tại với mức phí bảo hiểm thích hợp cho hợp đồng được thay thế. Khoản tín dụng phí bảo hiểm có thể được xác định bằng cách lấy phí bảo hiểm của hợp đồng mới trừ đi phí bảo hiểm của hợp đồng được thay thế.
- Việc chuyển một sản phẩm trọn đời sang một sản phẩm trọn đời sẽ được coi là một sự thay thế đối với MDRT. Điều này chỉ áp dụng cho việc thay thế các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân.

### 6. Định nghĩa Và Diễn giải

- **Hoạt động kinh doanh được Trả cho và được Bảo đảm**  
Hoạt động kinh doanh cần tính tín dụng sẽ được thanh toán trong giai đoạn đủ điều kiện MDRT (từ ngày 1 tháng 1 đến hết ngày 31 tháng 12). Hoạt động kinh doanh sẽ được coi là đã được thanh toán kể từ ngày bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực đầy đủ với sự chấp thuận của văn phòng chính dưới góc độ thanh toán yêu cầu bồi thường (bất kể thông lệ của công ty hoặc khoảng cách giữa văn phòng chính và văn phòng con). Tuy nhiên, không được phép tính tín dụng cho đến khi văn phòng chính cuối cùng đã chấp nhận phí bảo hiểm và cho đến khi hoa hồng năm đầu tiên được trả hoặc ghi có vào tài khoản của đại lý mà công ty bảo hiểm không có quyền thu hồi cùng một khoản tiền đó, trừ trường hợp thu hồi theo các điều khoản có thể gây tranh cãi của hợp đồng. Đối với hoạt động liên doanh, liên kết, doanh nghiệp và/hoặc môi giới, tín dụng MDRT chỉ được tính cho phần hoạt động kinh doanh mà ứng viên được trả thù lao, là hoa hồng năm đầu tiên hoặc tương đương.
- **Bảo hiểm y tế**  
Bao gồm các hợp đồng trả cho hoặc được hoàn tiền cho chi phí y tế gồm tiền nằm viện, chăm sóc cấp cứu, chăm sóc bệnh nhân ngoại trú, chẩn đoán và điều trị, chăm sóc thai sản, cũng như các hợp đồng liên quan đến nha khoa, thị lực và thính giác. Bệnh Hiếm nghèo và chăm sóc Dài hạn không được coi là Bảo hiểm y tế và những hạng mục này đã được tín dụng MDRT xử lý riêng biệt. Xem trang 4 để biết chi tiết.
- **Cách đếm hợp đồng**  
Hợp đồng bảo hiểm được định nghĩa là một hợp đồng riêng lẻ liên quan đến một hoặc nhiều người. Một hợp đồng bảo hiểm cho một cá nhân cần được tính tín dụng và báo cáo với MDRT là một hợp đồng. Tương tự, một hợp đồng bảo hiểm cho một nhóm người cũng cần được đếm là một hợp đồng, bất kể số lượng người được bảo hiểm theo hợp đồng đó.
- **Yêu cầu về Hiệu lực**  
Hoạt động kinh doanh được tính tín dụng chỉ bao gồm các hoạt động kinh doanh chưa chấm dứt vào hoặc trước ngày cuối cùng của thời hạn đủ điều kiện tham gia MDRT (ngày 31 tháng 12) trừ trường hợp hoạt động kinh doanh bị chấm dứt do từ vong hoặc chuyển đổi thời hạn.
- **Chứng khoán**  
Bao gồm cổ phiếu, trái phiếu hoặc các loại vốn chủ sở hữu khác. Xem trang 4 để biết chi tiết.



## VI. MINH HỌA

### Làm rõ về tín dụng Bảo hiểm Rủi ro và Tín dụng Sản phẩm Khác

- Ít nhất một nửa (50% trăm) yêu cầu về doanh thu phải bắt nguồn từ các sản phẩm được liệt kê trong danh mục Bảo hiểm rủi ro. (Xem phần I, 4)
- Đây là ngưỡng phải vượt qua trước khi ứng viên có thể sử dụng bất kỳ tín dụng nào từ danh mục Sản phẩm khác.
- Khi vượt ngưỡng, ứng viên có thể sử dụng tất cả các khoản tín dụng từ Sản phẩm Khác để đáp ứng yêu cầu MDRT.
- Yêu cầu đối với tiền hoa hồng năm 2025 là 81.000 USD. Để đủ điều kiện, ứng viên phải nộp chứng nhận đạt được tiền hoa hồng tối thiểu là 40.500 USD bắt nguồn từ các sản phẩm được nêu trong danh mục Bảo hiểm Rủi ro.

#### Ví dụ 1 - Đủ điều kiện là thành viên MDRT

Tổng số tiền Bảo hiểm Rủi ro của ứng viên	40.500
Tổng số tiền từ các Sản phẩm khác của ứng viên	<u>100.000</u>
Tổng số tín dụng hoa hồng MDRT	140.500

#### Ví dụ 2 - KHÔNG đủ điều kiện là thành viên MDRT

Tổng số tiền Bảo hiểm Rủi ro của ứng viên	40.499
Tổng số tiền từ các Sản phẩm khác của ứng viên	<u>100.000</u>
Tổng số tín dụng hoa hồng MDRT	40.499

#### Vui lòng lưu ý rằng:

Ngưỡng 50% được áp dụng bất kể tiền hoa hồng hay phí bảo hiểm được sử dụng để đủ điều kiện để gia nhập thành viên.

### Làm rõ về thu nhập đủ điều kiện

- Yêu cầu tổng thu nhập hàng năm từ bán bảo hiểm và sản phẩm tài chính tối thiểu là 140.000 USD.
- Tối thiểu 40.500 USD phải là thu nhập từ hoạt động kinh doanh mới được tạo ra trong năm doanh thu. Hơn nữa, tối thiểu 40.500 USD phải bắt nguồn từ thu nhập liên quan đến các sản phẩm trong danh mục Bảo hiểm Rủi ro.
- Có thể cùng một hoạt động kinh doanh, ví dụ như bán hợp đồng bảo hiểm nhân thọ mới, có thể đáp ứng cả hai yêu cầu. (Xem Ví dụ 2 dưới đây.)

#### ĐỦ ĐIỀU KIỆN là thành viên MDRT

##### Ví dụ 1

Tổng thu nhập hàng năm của ứng viên	140.000
Tổng số tiền từ hoạt động kinh doanh mới của ứng viên	40.500
Tổng số tiền Bảo hiểm Rủi ro của ứng viên	40.500

##### Ví dụ 2

Tổng thu nhập hàng năm của ứng viên	140.000
Tổng số tiền từ hoạt động kinh doanh mới của Sản phẩm Bảo hiểm Rủi ro *	40.500

\* Đáp ứng cả yêu cầu tối thiểu về số tiền từ hoạt động kinh doanh mới và từ sản phẩm bảo hiểm rủi ro.

#### KHÔNG đủ điều kiện là thành viên MDRT

##### Ví dụ 3

Tổng thu nhập hàng năm của ứng viên	140.000
Tổng số tiền từ hoạt động kinh doanh mới của ứng viên	40.499
Tổng số tiền Bảo hiểm Rủi ro của ứng viên	40.500

##### Ví dụ 4

Tổng thu nhập hàng năm của ứng viên	140.000
Tổng số tiền từ hoạt động kinh doanh mới của ứng viên	40.500
Tổng số tiền Bảo hiểm Rủi ro của ứng viên	40.499

## **Hội nghị Thường niên MDRT\***

22 – 25 tháng 6 năm 2025  
Miami Beach, Florida, Hoa Kỳ

## **Hội nghị Toàn cầu MDRT\***

2025  
Thông báo sau

## **Hội nghị Thường niên Top of the Table\*\***

2025  
Thông báo sau

## **Hội nghị EDGE MDRT\*\*\***

2025  
Thông báo sau

*\*Việc tham dự Hội nghị Thường niên MDRT và Hội nghị Toàn cầu MDRT được áp dụng với thành viên năm 2025 đã được phê duyệt và được yêu cầu thanh toán phí tham dự riêng biệt.*

*\*\*Việc tham dự Hội nghị Thường niên Top of the Table được áp dụng với thành viên TOT năm 2025 đã được phê duyệt và được yêu cầu thanh toán phí tham dự riêng biệt.*

*\*\*\*Hội nghị EDGE MDRT dành cho Thành viên năm 2025 đã được phê duyệt đến từ Hoa Kỳ và Canada và phí tham dự phải được thanh toán riêng biệt.*

Truy cập [mdrt.org](http://mdrt.org) hoặc liên hệ MDRT tại +1 847.692.6378 hoặc email về [meetings@mdrt.org](mailto:meetings@mdrt.org) để biết thông tin về hội nghị và cơ hội tài trợ.

**YÊU CẦU DOANH THU HOA HỒNG VÀ PHÍ BẢO HIỂM ĐỐI VỚI TƯ CÁCH  
THÀNH VIÊN MILLION DOLLAR ROUND TABLE NĂM 2025**

Dựa trên Doanh thu năm 2024, tính bằng nội tệ.

**Tín dụng doanh thu phải được báo cáo bằng đô la Mỹ trên các Thư xác nhận**

(Nội tệ chia cho hệ số chuyển đổi/chuẩn hóa = Yêu cầu của MDRT bằng đồng đô la Mỹ)

Các yêu cầu về doanh thu được lập riêng cho từng thị trường. Các hệ số chuyển đổi/chuẩn hóa không liên quan với tỷ giá tiền tệ và chỉ được sử dụng để chuẩn hóa xử lý MDRT.

Để xem danh sách đầy đủ các yêu cầu theo Thị trường, vui lòng truy cập trang web của MDRT tại địa chỉ [mdrt.org/join/member-requirements/](http://mdrt.org/join/member-requirements/).

Market	MDRT Commission	COT Commission	TOT Commission	Commission Conv Factor	MDRT Premium	COT Premium	TOT Premium	Premium Conv Factor
Angola	49.300	147.900	295.800	0,6086	98.600	295.800	591.600	0,6086
Anguilla	94.300	282.900	565.800	1,1641	188.600	565.800	1.131.600	1,1641
Antigua	149.500	448.500	897.000	1,8456	299.000	897.000	1.794.000	1,8456
Argentina	350.000	1.050.000	2.100.000	4,3209	700.000	2.100.000	4.200.000	4,3209
Armenia	12.709.000	38.127.000	76.254.000	156,9012	25.418.000	76.254.000	152.508.000	156,9012
Aruba	99.800	299.400	598.800	1,2320	199.600	598.800	1.197.600	1,2320
Australia	116.700	350.100	700.200	1,4407	233.400	700.200	1.400.400	1,4407
Azerbaijan	26.000	78.000	156.000	0,3209	52.000	156.000	312.000	0,3209
Bahamas	67.800	203.400	406.800	0,8370	135.600	406.800	813.600	0,8370
Bahrain	14.300	42.900	85.800	0,1765	28.600	85.800	171.600	0,1765
Bangladesh	2.185.900	6.557.700	13.115.400	26,9864	4.371.800	13.115.400	26.230.800	26,9864
Barbados	123.900	371.700	743.400	1,5296	247.800	743.400	1.486.800	1,5296
Belarus	97.131.700	291.395.100	582.790.200	1.199,1567	194.263.400	582.790.200	1.165.580.400	1.199,1567
Belgium	59.200	177.600	355.200	0,7308	118.400	355.200	710.400	0,7308
Belize	89.600	268.800	537.600	1,1061	179.200	537.600	1.075.200	1,1061
Bermuda	104.800	314.400	628.800	1,2938	209.600	628.800	1.257.600	1,2938
Bolivia	208.700	626.100	1.252.200	2,5765	417.400	1.252.200	2.504.400	2,5765
Bosnia-Herzegovina	53.700	161.100	322.200	0,6629	107.400	322.200	644.400	0,6629
Botswana	281.800	845.400	1.690.800	3,4790	563.600	1.690.800	3.381.600	3,4790
Brazil	187.200	561.600	1.123.200	2,3111	561.600	1.684.800	3.369.600	3,4666
British Virgin Islands	84.600	253.800	507.600	1,0444	169.200	507.600	1.015.200	1,0444
Brunei	47.700	143.100	286.200	0,5888	143.100	429.300	858.600	0,8833
Bulgaria	56.300	168.900	337.800	0,6950	112.600	337.800	675.600	0,6950
Cambodia	85.513.200	256.539.600	513.079.200	1.055,7185	342.052.800	1.026.158.400	2.052.316.800	2.111,4370
Cameroon	18.360.500	55.081.500	110.163.000	226,6728	36.721.000	110.163.000	220.326.000	226,6728
Canada	99.700	299.100	598.200	1,2308	199.400	598.200	1.196.400	1,2308
Cayman Islands	69.000	207.000	414.000	0,8518	138.000	414.000	828.000	0,8518
Channel Islands	55.100	165.300	330.600	0,6802	110.200	330.600	661.200	0,6802
Chile	32.916.500	98.749.500	197.499.000	406,3765	65.833.000	197.499.000	394.998.000	406,3765
China	245.700	737.100	1.474.200	3,0333	737.100	2.211.300	4.422.600	4,5500
Colombia	89.615.100	268.845.300	537.690.600	1.106,3592	179.230.200	537.690.600	1.075.381.200	1.106,3592
Costa Rica	26.751.400	80.254.200	160.508.400	330,2641	53.502.800	160.508.400	321.016.800	330,2641
Côte d'Ivoire	19.863.200	59.589.600	119.179.200	245,2246	39.726.400	119.179.200	238.358.400	245,2246
Croatia	242.800	728.400	1.456.800	2,9975	485.600	1.456.800	2.913.600	2,9975
Curacao	75.300	225.900	451.800	0,9296	150.600	451.800	903.600	0,9296
Cyprus	41.900	125.700	251.400	0,5172	83.800	251.400	502.800	0,5172
Czech Republic	1.011.600	3.034.800	6.069.600	12,4888	2.023.200	6.069.600	12.139.200	12,4888
Denmark	527.700	1.583.100	3.166.200	6,5148	1.055.400	3.166.200	6.332.400	6,5148
Dominica	133.100	399.300	798.600	1,6432	266.200	798.600	1.597.200	1,6432
Dominican Republic	1.380.700	4.142.100	8.284.200	17,0456	2.761.400	8.284.200	16.568.400	17,0456
Ecuador	41.100	123.300	246.600	0,5074	82.200	246.600	493.200	0,5074
Egypt	173.000	519.000	1.038.000	2,1358	519.000	1.557.000	3.114.000	3,2037
El Salvador	36.800	110.400	220.800	0,4543	73.600	220.800	441.600	0,4543
Estonia	42.600	127.800	255.600	0,5259	85.200	255.600	511.200	0,5259
Fiji	68.400	205.200	410.400	0,8444	136.800	410.400	820.800	0,8444
France	57.500	172.500	345.000	0,7098	115.000	345.000	690.000	0,7098
Georgia	70.500	211.500	423.000	0,8703	141.000	423.000	846.000	0,8703
Germany	58.700	176.100	352.200	0,7246	117.400	352.200	704.400	0,7246
Ghana	85.200	255.600	511.200	1,0518	170.400	511.200	1.022.400	1,0518
Gibraltar	54.600	163.800	327.600	0,6740	109.200	327.600	655.200	0,6740
Greece	43.900	131.700	263.400	0,5419	87.800	263.400	526.800	0,5419
Grenada	130.700	392.100	784.200	1,6135	261.400	784.200	1.568.400	1,6135
Guatemala	320.900	962.700	1.925.400	3,9617	641.800	1.925.400	3.850.800	3,9617
Guyana	6.618.100	19.854.300	39.708.600	81,7049	13.236.200	39.708.600	79.417.200	81,7049
Honduras	883.500	2.650.500	5.301.000	10,9074	1.767.000	5.301.000	10.602.000	10,9074
Hong Kong, China	471.300	1.413.900	2.827.800	5,8185	1.885.200	5.655.600	11.311.200	11,6370
Hungary	11.890.700	35.672.100	71.344.200	146,7987	23.781.400	71.344.200	142.688.400	146,7987
India	984.900	2.954.700	5.909.400	12,1592	3.939.600	11.818.800	23.637.600	24,3185
Indonesia	324.184.100	972.552.300	1.945.104.600	4.002,2728	648.368.200	1.945.104.600	3.890.209.200	4.002,2728

Market	MDRT Commission	COT Commission	TOT Commission	Commission Conv Factor	MDRT Premium	COT Premium	TOT Premium	Premium Conv Factor
Ireland	64.000	192.000	384.000	0,7901	128.000	384.000	768.000	0,7901
Isle of Man	56.700	170.100	340.200	0,7000	113.400	340.200	680.400	0,7000
Israel	307.000	921.000	1.842.000	3,7901	614.000	1.842.000	3.684.000	3,7901
Italy	51.900	155.700	311.400	0,6407	103.800	311.400	622.800	0,6407
Jamaica West Indies	4.339.700	13.019.100	26.038.200	53,5765	8.679.400	26.038.200	52.076.400	53,5765
Japan	8.155.400	24.466.200	48.932.400	100,6839	24.466.200	73.398.600	146.797.200	151,0259
Jordan	22.800	68.400	136.800	0,2814	45.600	136.800	273.600	0,2814
Kazakhstan	6.681.600	20.044.800	40.089.600	82,4888	13.363.200	40.089.600	80.179.200	82,4888
Kenya	3.484.500	10.453.500	20.907.000	43,0185	6.969.000	20.907.000	41.814.000	43,0185
Kuwait	14.700	44.100	88.200	0,1814	29.400	88.200	176.400	0,1814
Laos	231.899.400	695.698.200	1.391.396.400	2.862,9555	463.798.800	1.391.396.400	2.782.792.800	2.862,9555
Latvia	36.200	108.600	217.200	0,4469	72.400	217.200	434.400	0,4469
Lebanon	77.286.000	231.858.000	463.716.000	954,1481	154.572.000	463.716.000	927.432.000	954,1481
Lithuania	36.100	108.300	216.600	0,4456	72.200	216.600	433.200	0,4456
Luxembourg	69.100	207.300	414.600	0,8530	138.200	414.600	829.200	0,8530
Macau, China	371.500	1.114.500	2.229.000	4,5864	1.486.000	4.458.000	8.916.000	9,1728
Macedonia	1.515.400	4.546.200	9.092.400	18,7086	3.030.800	9.092.400	18.184.800	18,7086
Malaysia	127.000	381.000	762.000	1,5679	381.000	1.143.000	2.286.000	2,3518
Malta	24.900	74.700	149.400	0,3074	49.800	149.400	298.800	0,3074
Mauritius	1.343.300	4.029.900	8.059.800	16,5839	2.686.600	8.059.800	16.119.600	16,5839
Mexico	743.500	2.230.500	4.461.000	9,1790	1.487.000	4.461.000	8.922.000	9,1790
Montenegro	6.000	18.000	36.000	0,0740	12.000	36.000	72.000	0,0740
Montserrat	66.400	199.200	398.400	0,8197	132.800	398.400	796.800	0,8197
Mozambique	1.742.600	5.227.800	10.455.600	21,5135	3.485.200	10.455.600	20.911.200	21,5135
Myanmar	28.071.900	84.215.700	168.431.400	346,5666	56.143.800	168.431.400	336.862.800	346,5666
Namibia	455.400	1.366.200	2.732.400	5,6222	910.800	2.732.400	5.464.800	5,6222
Nepal	1.564.300	4.692.900	9.385.800	19,3123	4.692.900	14.078.700	28.157.400	28,9685
Netherlands	61.800	185.400	370.800	0,7629	123.600	370.800	741.600	0,7629
New Zealand	114.700	344.100	688.200	1,4160	229.400	688.200	1.376.400	1,4160
Nicaragua	937.800	2.813.400	5.626.800	11,5777	1.875.600	5.626.800	11.253.600	11,5777
Nigeria	6.479.000	19.437.000	38.874.000	79,9876	12.958.000	38.874.000	77.748.000	79,9876
Norway	763.400	2.290.200	4.580.400	9,4246	1.526.800	4.580.400	9.160.800	9,4246
Oman	15.000	45.000	90.000	0,1851	30.000	90.000	180.000	0,1851
Pakistan	1.998.100	5.994.300	11.988.600	24,6679	3.996.200	11.988.600	23.977.200	24,6679
Panama	37.200	111.600	223.200	0,4592	74.400	223.200	446.400	0,4592
Peru	135.100	405.300	810.600	1,6679	270.200	810.600	1.621.200	1,6679
Philippines	1.423.500	4.270.500	8.541.000	17,5740	2.847.000	8.541.000	17.082.000	17,5740
Poland	142.200	426.600	853.200	1,7555	284.400	853.200	1.706.400	1,7555
Portugal	45.200	135.600	271.200	0,5580	135.600	406.800	813.600	0,8370
Qatar	168.500	505.500	1.011.000	2,0802	337.000	1.011.000	2.022.000	2,0802
Republic of Korea	67.873.100	203.619.300	407.238.600	837,9395	169.682.750	509.048.250	1.018.096.500	1.047,4243
Romania	135.400	406.200	812.400	1,6716	270.800	812.400	1.624.800	1,6716
Saudi Arabia	147.300	441.900	883.800	1,8185	294.600	883.800	1.767.600	1,8185
Serbia	3.192.800	9.578.400	19.156.800	39,4172	6.385.600	19.156.800	38.313.600	39,4172
Singapore	72.400	217.200	434.400	0,8938	217.200	651.600	1.303.200	1,3407
Slovakia	42.200	126.600	253.200	0,5209	84.400	253.200	506.400	0,5209
Slovenia	44.400	133.200	266.400	0,5481	88.800	266.400	532.800	0,5481
South Africa	316.000	948.000	1.896.000	3,9012	632.000	1.896.000	3.792.000	3,9012
Spain	50.100	150.300	300.600	0,6185	100.200	300.600	601.200	0,6185
Sri Lanka	3.007.600	9.022.800	18.045.600	37,1308	6.015.200	18.045.600	36.091.200	37,1308
St. Kitts and Nevis	136.300	408.900	817.800	1,6827	272.600	817.800	1.635.600	1,6827
St. Lucia	144.900	434.700	869.400	1,7888	289.800	869.400	1.738.800	1,7888
St. Maarten	78.600	235.800	471.600	0,9703	157.200	471.600	943.200	0,9703
St. Vincent	120.500	361.500	723.000	1,4876	241.000	723.000	1.446.000	1,4876
Suriname	266.300	798.900	1.597.800	3,2876	532.600	1.597.800	3.195.600	3,2876
Sweden	702.300	2.106.900	4.213.800	8,6703	1.404.600	4.213.800	8.427.600	8,6703
Switzerland	88.900	266.700	533.400	1,0975	177.800	533.400	1.066.800	1,0975
Taiwan Area	1.388.600	4.165.800	8.331.600	17,1432	2.777.200	8.331.600	16.663.200	17,1432
Tanzania	61.744.800	185.234.400	370.468.800	762,2814	123.489.600	370.468.800	740.937.600	762,2814
Thailand	971.900	2.915.700	5.831.400	11,9987	1.943.800	5.831.400	11.662.800	11,9987
Togo	18.293.000	54.879.000	109.758.000	225,8395	36.586.000	109.758.000	219.516.000	225,8395
Tonga	123.100	369.300	738.600	1,5197	246.200	738.600	1.477.200	1,5197
Trinidad & Tobago	312.800	938.400	1.876.800	3,8617	625.600	1.876.800	3.753.600	3,8617
Turkey	226.700	680.100	1.360.200	2,7987	906.800	2.720.400	5.440.800	5,5975
Turks & Caicos	86.100	258.300	516.600	1,0629	172.200	516.600	1.033.200	1,0629
Uganda	105.647.100	316.941.300	633.882.600	1.304,2851	211.294.200	633.882.600	1.267.765.200	1.304,2851

<b>Market</b>	<b>MDRT Commission</b>	<b>COT Commission</b>	<b>TOT Commission</b>	<b>Commission Conv Factor</b>	<b>MDRT Premium</b>	<b>COT Premium</b>	<b>TOT Premium</b>	<b>Premium Conv Factor</b>
Ukraine	300.700	902.100	1.804.200	3,7123	601.400	1.804.200	3.608.400	3,7123
United Arab Emirates	175.000	525.000	1.050.000	2,1604	350.000	1.050.000	2.100.000	2,1604
United Kingdom	55.200	165.600	331.200	0,6814	110.400	331.200	662.400	0,6814
United States	81.000	243.000	486.000	1,0000	162.000	486.000	972.000	1,0000
Uruguay	1.342.100	4.026.300	8.052.600	16,5691	2.684.200	8.052.600	16.105.200	16,5691
Venezuela	548.994	1.646.982	3.293.964	6,7777	1.097.988	3.293.964	6.587.928	6,7777
Vietnam	405.915.000	1.217.745.000	2.435.490.000	5.011,2962	811.830.000	2.435.490.000	4.870.980.000	5.011,2962
Zambia	253.400	760.200	1.520.400	3,1283	506.800	1.520.400	3.040.800	3,1283
Zimbabwe	5.900.600	17.701.800	35.403.600	72,8469	11.801.200	35.403.600	70.807.200	72,8469

**YÊU CẦU DOANH THU TỪ THU NHẬP ĐỐI VỚI TƯ CÁCH THÀNH VIÊN  
MILLION DOLLAR ROUND TABLE NĂM 2025**

Dựa trên Doanh thu năm 2024, tính bằng nội tệ.

**Tín dụng doanh thu phải được báo cáo bằng đô la Mỹ trên các Thư xác nhận**

Các yêu cầu về doanh thu được lập riêng cho từng thị trường. Các hệ số chuyển đổi (Conv) không có mối quan hệ với tỷ giá tiền tệ và chỉ được sử dụng để chuẩn hóa xử lý MDRT. (Đồng tiền nội tệ được chia theo [hệ số] chuyển đổi thu nhập = yêu cầu của MDRT bằng đô la Mỹ) Tiêu chuẩn theo phương thức này dựa trên yêu cầu tổng thu nhập hàng năm từ bán bảo hiểm và sản phẩm tài chính tối thiểu là 140.000 USD. Tối thiểu 40.500 USD phải là thu nhập từ hoạt động kinh doanh mới và 40.500 USD từ sản phẩm bảo hiểm rủi ro. Để xem danh sách đầy đủ các yêu cầu theo Thị trường, vui lòng truy cập trang web của MDRT tại địa chỉ [mdrt.org/join/member-requirements/](http://mdrt.org/join/member-requirements/).

Market	MDRT Income	COT Income	TOT Income	Income Conv Factor
Angola	85.400	256.200	512.400	0,6100
Anguilla	163.200	489.600	979.200	1,1657
Antigua	258.900	776.700	1.553.400	1,8492
Argentina	606.100	1.818.300	3.636.600	4,3292
Armenia	22.011.500	66.034.500	132.069.000	157,2250
Aruba	172.900	518.700	1.037.400	1,2350
Australia	202.100	606.300	1.212.600	1,4435
Azerbaijan	45.100	135.300	270.600	0,3221
Bahamas	117.400	352.200	704.400	0,8385
Bahrain	24.800	74.400	148.800	0,1771
Bangladesh	3.785.900	11.357.700	22.715.400	27,0421
Barbados	214.600	643.800	1.287.600	1,5328
Belarus	168.228.100	504.684.300	1.009.368.600	1201,6292
Belgium	102.500	307.500	615.000	0,7321
Belize	155.100	465.300	930.600	1,1078
Bermuda	181.500	544.500	1.089.000	1,2964
Bolivia	361.400	1.084.200	2.168.400	2,5814
Bosnia-Herzegovina	93.100	279.300	558.600	0,6650
Botswana	488.000	1.464.000	2.928.000	3,4857
Brazil	324.200	972.600	1.945.200	2,3157
British Virgin Islands	146.500	439.500	879.000	1,0464
Brunei	82.700	248.100	496.200	0,5907
Bulgaria	97.500	292.500	585.000	0,6964
Cambodia	148.105.300	444.315.900	888.631.800	1057,8950
Cameroon	31.797.600	95.392.800	190.785.600	227,1257
Canada	172.700	518.100	1.036.200	1,2335
Cayman Islands	119.500	358.500	717.000	0,8535
Channel Islands	95.500	286.500	573.000	0,6821
Chile	57.009.900	171.029.700	342.059.400	407,2135
China	425.600	1.276.800	2.553.600	3,0400
Colombia	155.209.600	465.628.800	931.257.600	1108,6400
Costa Rica	46.332.300	138.996.900	277.993.800	330,9450
Côte d'Ivoire	34.402.200	103.206.600	206.413.200	245,7300
Croatia	420.500	1.261.500	2.523.000	3,0035
Curacao	130.400	391.200	782.400	0,9314
Cyprus	72.600	217.800	435.600	0,5185
Czech Republic	1.752.100	5.256.300	10.512.600	12,5150
Denmark	914.000	2.742.000	5.484.000	6,5285
Dominica	230.500	691.500	1.383.000	1,6464
Dominican Republic	2.391.300	7.173.900	14.347.800	17,0807
Ecuador	71.200	213.600	427.200	0,5085
Egypt	299.700	899.100	1.798.200	2,1407
El Salvador	63.700	191.100	382.200	0,4550
Estonia	73.800	221.400	442.800	0,5271
Fiji	118.500	355.500	711.000	0,8464
France	99.600	298.800	597.600	0,7114
Georgia	122.000	366.000	732.000	0,8714
Germany	101.700	305.100	610.200	0,7264
Ghana	147.500	442.500	885.000	1,0535
Gibraltar	94.100	282.300	564.600	0,6721
Greece	76.000	228.000	456.000	0,5428
Grenada	226.400	679.200	1.358.400	1,6171
Guatemala	555.800	1.667.400	3.334.800	3,9700
Guyana	11.462.300	34.386.900	68.773.800	81,8735
Honduras	1.530.200	4.590.600	9.181.200	10,9300
Hong Kong, China	816.200	2.448.600	4.897.200	5,8300
Hungary	20.594.200	61.782.600	123.565.200	147,1014
India	1.705.800	5.117.400	10.234.800	12,1842
Indonesia	561.473.500	1.684.420.500	3.368.841.000	4010,5250

Market	MDRT Income	COT Income	TOT Income	Income Conv Factor
Ireland	110.800	332.400	664.800	0,7914
Isle of Man	98.200	294.600	589.200	0,7014
Israel	531.700	1.595.100	3.190.200	3,7978
Italy	89.900	269.700	539.400	0,6421
Jamaica West Indies	7.516.200	22.548.600	45.097.200	53,6871
Japan	14.124.900	42.374.700	84.749.400	100,8921
Jordan	39.500	118.500	237.000	0,2821
Kazakhstan	11.572.300	34.716.900	69.433.800	82,6592
Kenya	6.035.100	18.105.300	36.210.600	43,1078
Kuwait	25.500	76.500	153.000	0,1821
Laos	401.186.000	1.203.558.000	2.407.116.000	2865,6142
Latvia	62.600	187.800	375.600	0,4471
Lebanon	133.856.000	401.568.000	803.136.000	956,1142
Lithuania	62.600	187.800	375.600	0,4471
Luxembourg	119.700	359.100	718.200	0,8550
Macau, China	643.400	1.930.200	3.860.400	4,5957
Macedonia	2.624.600	7.873.800	15.747.600	18,7471
Malaysia	220.000	660.000	1.320.000	1,5714
Malta	43.200	129.600	259.200	0,3085
Mauritius	2.326.500	6.979.500	13.959.000	16,6178
Mexico	1.287.800	3.863.400	7.726.800	9,1985
Montenegro	10.400	31.200	62.400	0,0742
Montserrat	115.000	345.000	690.000	0,8214
Mozambique	3.018.100	9.054.300	18.108.600	21,5578
Myanmar	48.619.400	145.858.200	291.716.400	347,2814
Namibia	788.700	2.366.100	4.732.200	5,6335
Nepal	2.709.300	8.127.900	16.255.800	19,3521
Netherlands	107.000	321.000	642.000	0,7642
New Zealand	198.700	596.100	1.192.200	1,4192
Nicaragua	1.624.200	4.872.600	9.745.200	11,6014
Nigeria	11.221.400	33.664.200	67.328.400	80,1528
Norway	1.322.200	3.966.600	7.933.200	9,4442
Oman	26.000	78.000	156.000	0,1857
Pakistan	3.460.600	10.381.800	20.763.600	24,7185
Panama	64.400	193.200	386.400	0,4600
Peru	234.000	702.000	1.404.000	1,6714
Philippines	2.465.500	7.396.500	14.793.000	17,6107
Poland	246.300	738.900	1.477.800	1,7592
Portugal	78.300	234.900	469.800	0,5592
Qatar	291.800	875.400	1.750.800	2,0842
Republic of Korea	117.553.400	352.660.200	705.320.400	839,6671
Romania	234.500	703.500	1.407.000	1,6750
Saudi Arabia	255.200	765.600	1.531.200	1,8228
Serbia	5.529.900	16.589.700	33.179.400	39,4992
Singapore	125.400	376.200	752.400	0,8957
Slovakia	73.100	219.300	438.600	0,5221
Slovenia	76.900	230.700	461.400	0,5492
South Africa	547.300	1.641.900	3.283.800	3,9092
Spain	86.700	260.100	520.200	0,6192
Sri Lanka	5.209.100	15.627.300	31.254.600	37,2078
St. Kitts and Nevis	236.000	708.000	1.416.000	1,6857
St. Lucia	250.900	752.700	1.505.400	1,7921
St. Maarten	136.100	408.300	816.600	0,9721
St. Vincent	208.600	625.800	1.251.600	1,4900
Suriname	461.300	1.383.900	2.767.800	3,2950
Sweden	1.216.300	3.648.900	7.297.800	8,6878
Switzerland	154.000	462.000	924.000	1,1000
Taiwan Area	2.405.100	7.215.300	14.430.600	17,1792
Tanzania	106.939.400	320.818.200	641.636.400	763,8528
Thailand	1.683.300	5.049.900	10.099.800	12,0235
Togo	31.682.900	95.048.700	190.097.400	226,3064
Tonga	213.300	639.900	1.279.800	1,5235
Trinidad & Tobago	541.800	1.625.400	3.250.800	3,8700
Turkey	392.200	1.176.600	2.353.200	2,8014
Turks & Caicos	149.100	447.300	894.600	1,0650
Uganda	182.976.400	548.929.200	1.097.858.400	1306,9742

<b>Market</b>	<b>MDRT Income</b>	<b>COT Income</b>	<b>TOT Income</b>	<b>Income Conv Factor</b>
Ukraine	520.800	1.562.400	3.124.800	3,7200
United Arab Emirates	303.000	909.000	1.818.000	2,1642
United Kingdom	95.600	286.800	573.600	0,6828
United States	140.000	420.000	840.000	1,0000
Uruguay	2.324.500	6.973.500	13.947.000	16,6035
Venezuela	950.800	2.852.400	5.704.800	6,7914
Vietnam	703.028.000	2.109.084.000	4.218.168.000	5021,6285
Zambia	438.800	1.316.400	2.632.800	3,1342
Zimbabwe	10.219.300	30.657.900	61.315.800	72,9950